

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2026/DS-ST

Ngày: 30-3-2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Cẩm Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Dương Thanh Phương
- Bà Nguyễn Thị Xuân Mai

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hiên, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 355/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 75/2026/QĐST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Văn R**, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Khu phố K, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

*** Bị đơn:**

1. Ông **Trần Phước M**, sinh năm 1977;

2. Bà **Huỳnh Thị Kim C**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

(Có mặt ông R; vắng mặt ông M, bà C).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong Đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 13/11/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn R trình bày:**

Từ năm 2014 đến năm 2020, ông Nguyễn Văn R có bán vật tư nông nghiệp cho vợ chồng ông Trần Phước M và bà Huỳnh Thị Kim C nhiều lần. Hình thức mua bán: ông M và bà C đăng ký mua vật tư nông nghiệp của ông R, nhưng không thanh toán ngay khi nhận hàng hóa, mà hai bên thỏa thuận ghi sổ và thanh toán tiền hàng sau mỗi 03 tháng. Mặc dù ông R đã thực hiện xong nghĩa vụ giao hàng, phía bà C, ông M có ký xác nhận khi nhận hàng hóa nhưng ông M và bà C không thanh toán đầy đủ tiền hàng. Ngày 12/5/2021, ông R và ông M, bà C đã chốt số nợ, theo đó ông M và bà C còn nợ lại ông R 191.566.000đồng tiền vật tư nông nghiệp. Ông R đã nhiều lần yêu cầu ông M và bà Chi trả tiền còn nợ nhưng ông M và bà C không có thiện chí trả nợ. Nay ông R yêu cầu: ông Trần Phước M và bà Huỳnh Thị Kim C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn R số tiền nợ khi mua bán hàng hóa: tiền gốc 191.566.000đồng và tiền lãi chậm trả 76.626.400đồng (từ ngày 01/6/2021 đến 01/6/2025: 191.566.000đồng x 10%/năm x 04 năm), tổng số tiền 268.192.400đồng, trả làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Trần Phước M và bà Huỳnh Thị Kim C đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý; bản sao đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ của nguyên đơn; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không có ý kiến và không giao nộp tài liệu, chứng cứ.

Tại phiên tòa;

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Phước M và bà Huỳnh Thị Kim C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Phước M và bà Huỳnh Thị Kim C.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn R về việc yêu cầu bị đơn là ông Trần Phước M và bà Huỳnh Thị Kim C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn R số còn nợ khi mua bán hàng hóa: tiền gốc 191.566.000đồng và tiền lãi chậm trả 76.626.400đồng (từ ngày 01/6/2021 đến 01/6/2025: $191.566.000\text{đồng} \times 10\%/năm \times 04 \text{ năm}$), tổng số tiền 268.192.400đồng, trả làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án bản chính tập học sinh có bìa tập màu hồng xanh trên bìa tập có chữ viết tay “Mau MH Trung” trong đó có bản chính văn bản viết tay có nội dung “3/2/2020 có nhận Mau 25.000.000... 191.566.000 còn lại (chữ ký) Huỳnh Thị Kim C”. Ông Trần Phước M và bà Huỳnh Thị Kim C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và lời trình bày của nguyên đơn. Tuy nhiên, ông M và bà C không phản đối hay có ý kiến gì đối với chứng cứ này. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là những tài liệu, chứng cứ có thật, phù hợp với quy định của pháp luật.

Qua xem xét chứng cứ do ông R cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy: tập học sinh có bìa tập màu hồng xanh trên bìa tập có chữ viết tay “Mau MH T” có ghi lại quá trình giao nhận vật tư nông nghiệp về thời gian, tên sản phẩm, giá tiền của sản phẩm, thành tiền có chữ ký, ghi họ tên của bà Huỳnh Thị Kim C hoặc ông Trần Phước M khi nhận hàng; đồng thời cũng ghi nhận thông tin về thời gian và số tiền mà ông R đã nhận từ ông M và bà C được ông R ghi vào sổ với nội dung “...(thời gian) có nhận M (số tiền)....” và ký tên của ông R sau mỗi số tiền đã nhận; theo đó số tiền đã trả ít hơn thành tiền của sản phẩm đã nhận, cho đến cuối sổ có nội dung “191.566.000 còn lại” đã được bà Huỳnh Thị Kim C ký tên, ghi họ tên. Điều đó cho thấy giữa ông R và ông M, bà C có phát sinh hợp đồng mua bán hàng hóa là vật tư nông nghiệp, ông R đã thực hiện xong nghĩa vụ giao hàng cho ông M và bà C, tuy nhiên ông M và bà C chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đến ngày 12/5/2021 đã tổng kết và xác nhận lại số nợ là 191.566.000đồng.

Việc ông R yêu cầu ông M và bà C phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ 191.566.000đồng và tiền lãi với lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm trả, tính từ ngày 01/6/2021 đến 01/6/2025, cụ thể: $191.566.000\text{đồng} \times 10\%/năm \times 04 \text{ năm} = 76.626.400\text{đồng}$ (tổng cộng vốn và lãi: 268.192.400đồng) là phù

hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Phước M và bà Huỳnh Thị Kim C có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

$5\% \times 268.192.400 \text{đồng} = 13.409.620 \text{đồng}.$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 357, 430, 433, 440 Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn R.

Buộc ông Trần Phước M và bà Huỳnh Thị Kim C có nghĩa vụ liên đới trả ông Nguyễn Văn R số tiền 268.192.400đồng (hai trăm sáu mươi tám triệu một trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm đồng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn R có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Phước M và bà Huỳnh Thị Kim C chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Phước M và bà Huỳnh Thị Kim C chịu 13.409.620đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn R được miễn tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3/ Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Cẩm Loan